

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2020
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hưng và ông Hồ Xuân Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 807/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Tòng Thị B- Sinh năm 1977 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn H - Sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số X, thôn Y, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn - Bà Tòng Thị B trình bày: Tôi (B) và anh Hoàng Văn H chung sống với nhau tại thôn X, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, thời gian chung sống bắt đầu từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn do thời điểm đó chúng tôi chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống được 01 năm đầu hạnh phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H hay rượu chè rồi về la mắng, xúc phạm, đánh đập tôi. Ngoài ra ông H thường không đi làm, không chăm lo cho gia đình, con cái. Do thương con, muốn con được ở có bố, có mẹ và tôi mong ông H thay đổi nên tôi vẫn cố gắng khuyên nhủ ông H nhưng ông không hề thay đổi.

Nay tôi nhận thấy cuộc sống chung với ông H không hạnh phúc, tôi không thể cố gắng hơn được nữa, không thể tiếp tục chịu đựng ông H thêm được nữa và các con đã lớn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận tôi và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là: Cháu Hoàng Thái H - sinh năm 1996, cháu Hoàng Đức T - sinh năm 2001. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên việc ở với ai do các cháu tự quyết định.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn - Ông Hoàng Văn H: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông H vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B; Tuyên bố quan hệ giữa bà Tòng Thị B và ông Hoàng Văn H không phải là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thì nội dung khởi kiện của nguyên đơn - bà Tòng Thị B là tranh chấp hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình đưa vụ án ra xét xử, bị đơn - Ông Hoàng Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

- *Về việc không công nhận vợ chồng*: Bà Tòng Thị B và ông Hoàng Văn H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Nay bà Tòng Thị B đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Tòng Thị B và ông Hoàng Văn H là vợ chồng, là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 9, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà Tòng Thị B và ông Hoàng Văn H có 02 con chung là cháu Hoàng Thái H - sinh năm 1996 và cháu Hoàng Đức T - sinh năm 2001. Hiện nay, cả hai con chung đã đủ 18 tuổi, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Hai bên đương sự không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà Tòng Thị B phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- *Áp dụng*: Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- *Áp dụng*: Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tòng Thị B;

Tuyên bố quan hệ giữa bà Tòng Thị B và ông Hoàng Văn H không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu Hoàng Thái H - sinh năm 1996 và cháu Hoàng Đức T - sinh năm 2001 đã đủ 18 tuổi, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Tòng Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà

bà B đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0004965 ngày 08 tháng 10 năm 2019.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.BMT;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- UBND xã H, TP.B, Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

